

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA

Trường THPT Bá Thước

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9					Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					Rèn luyện	Học Tập	Danh hiệu	Điểm TB Toán 9	Điểm TB Văn 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng điểm đạt được			
1	151003	Nguyễn Phú An	05/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.8	9.3	0.0	0.0	8.5	9.4	8.5	26.4	26.4		Đỗ NV1-lần 1
2	151235	Bùi Lê Bảo Ngọc	19/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	8.6	9.7	1.0	0.0	8.25	9.0	8.0	25.25	26.25		Đỗ NV1-lần 1
3	151101	Nguyễn Quang Hải	30/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	9.1	0.0	0.0	8.25	8.4	8.75	25.4	25.4		Đỗ NV1-lần 1
4	861098	Phạm Đức Dũng	02/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.3	0.0	0.0	7.75	9.0	8.5	25.25	25.25		Đỗ NV1-lần 1
5	151266	Phạm Tâm Như	05/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	8.8	9.1	0.0	0.0	8.0	8.4	8.75	25.15	25.15		Đỗ NV1-lần 1
6	151076	Hoàng Ánh Dương	02/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.5	8.2	0.0	0.0	6.5	8.8	8.75	24.05	24.05		Đỗ NV1-lần 1
7	151409	Hoàng Quốc Việt	05/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	9.1	0.0	0.0	8.25	7.0	8.75	24.0	24.0		Đỗ NV1-lần 1
8	151337	Nguyễn Thị Thu Thủy	25/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.4	0.0	0.0	8.0	8.2	7.25	23.45	23.45		Đỗ NV1-lần 1
9	151296	Trương Minh Sơn	28/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.5	0.0	0.0	7.5	8.4	7.25	23.15	23.15		Đỗ NV1-lần 1
10	151306	Hà Thị Phương Thanh	20/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	8.4	1.0	0.0	7.75	7.0	7.25	22.0	23.0		Đỗ NV1-lần 1
11	151140	Nguyễn Thanh Hưng	26/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.8	0.0	0.0	7.08	8.8	7.0	22.88	22.88		Đỗ NV1-lần 1
12	151368	Hà Vi Bảo Trâm	05/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	9.2	1.0	0.0	9.0	5.6	7.25	21.85	22.85		Đỗ NV1-lần 1
13	151187	Phạm Mai Linh	28/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	9.0	0.0	0.0	8.5	7.8	6.25	22.55	22.55		Đỗ NV1-lần 1
14	151184	Lê Ngọc Linh	11/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8.9	0.0	0.0	8.75	8.8	4.75	22.3	22.3		Đỗ NV1-lần 1
15	151279	Trần Thị Thu Phương	12/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.2	0.0	0.0	6.25	7.8	8.0	22.05	22.05		Đỗ NV1-lần 1
16	151238	Lê Bảo Nguyên	03/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	8.0	0.0	0.0	7.75	5.8	8.0	21.55	21.55		Đỗ NV1-lần 1
17	151038	Nguyễn Khánh Bình	28/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.8	8.1	1.0	0.0	8.5	5.0	6.75	20.25	21.25		Đỗ NV1-lần 1
18	151132	Hà Quang Huy	07/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.5	1.0	0.0	8.25	3.4	8.0	19.65	20.65		Đỗ NV1-lần 1
19	151425	Nguyễn Tường Vy	20/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	8.2	0.0	0.0	6.75	8.8	5.0	20.55	20.55		Đỗ NV1-lần 1
20	151205	Phạm Khánh Ly	12/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	7.4	1.0	0.0	7.5	5.8	6.25	19.55	20.55		Đỗ NV1-lần 1
21	151183	Hà Thuý Linh	02/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.4	1.0	0.0	6.25	6.2	7.0	19.45	20.45		Đỗ NV1-lần 1
22	151032	Lê Hữu Gia Bảo	29/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	8.0	0.0	0.0	5.58	7.6	6.75	19.93	19.93		Đỗ NV1-lần 1
23	151026	Cao Minh Nguyệt Ánh	04/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.5	0.0	0.0	7.75	5.4	6.75	19.9	19.9		Đỗ NV1-lần 1
24	871080	Hà Hồng Hạnh	08/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.5	1.0	0.0	6.75	6.6	5.5	18.85	19.85		Đỗ NV1-lần 1
25	151035	Trương Gia Bảo	21/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	T		6.5	7.2	1.0	0.0	6.75	6.6	5.5	18.85	19.85		Đỗ NV1-lần 1
26	871017	Trương Việt Anh	10/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.4	8.9	1.0	0.0	8.25	5.8	4.75	18.8	19.8		Đỗ NV1-lần 1
27	881226	Phạm Hoàng Lâm	11/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	7.1	1.0	0.0	7.0	4.8	7.0	18.8	19.8		Đỗ NV1-lần 1
28	151350	Trương Hà Anh Thư	02/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	8.6	1.0	0.0	7.5	7.2	4.0	18.7	19.7		Đỗ NV1-lần 1
29	151191	Trương Trúc Linh	07/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.5	1.0	0.0	7.75	4.0	6.75	18.5	19.5		Đỗ NV1-lần 1
30	151257	Trần Ngọc Tuệ Nhi	08/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	8.7	9.5	0.0	0.0	8.5	6.0	5.0	19.5	19.5		Đỗ NV1-lần 1
31	151269	Hà Thị Ngọc Oanh	04/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.8	1.0	0.0	7.25	5.8	5.25	18.3	19.3		Đỗ NV1-lần 1
32	151348	Phạm Thị Anh Thư	01/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.1	1.0	0.0	6.75	5.8	5.75	18.3	19.3		Đỗ NV1-lần 1
33	151122	Trương Thị Khánh Hồng	11/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.1	1.0	0.0	8.0	3.0	7.25	18.25	19.25		Đỗ NV1-lần 1
34	151034	Phạm Gia Bảo	07/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.2	1.0	0.0	6.0	6.2	6.0	18.2	19.2		Đỗ NV1-lần 1
35	881154	Phạm Thị Hậu	10/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.7	1.0	0.0	8.0	4.6	5.5	18.1	19.1		Đỗ NV1-lần 1
36	151298	Nguyễn Tấn Tài	11/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.5	1.0	0.0	4.5	6.0	7.5	18.0	19.0		Đỗ NV1-lần 1
37	151324	Bùi Chiến Thắng	29/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	6.8	1.0	0.0	6.5	3.6	7.75	17.85	18.85		Đỗ NV1-lần 1
38	151335	Hà Thu Thủy	08/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.5	1.0	0.0	8.5	4.6	4.75	17.85	18.85		Đỗ NV1-lần 1
39	151056	Hà Ngọc Diệp	22/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	7.2	1.0	0.0	8.5	3.8	5.5	17.8	18.8		Đỗ NV1-lần 1
40	151267	Trương Thị Quỳnh Như	12/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.1	1.0	0.0	8.0	4.0	5.75	17.75	18.75		Đỗ NV1-lần 1
41	151185	Nguyễn Dương Khánh Linh	29/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	8.0	0.0	0.0	8.0	5.6	5.0	18.6	18.6		Đỗ NV1-lần 1
42	151077	Vi Thị Ánh Dương	06/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8.9	1.0	0.0	8.0	5.6	4.0	17.6	18.6		Đỗ NV1-lần 1
43	151299	Phạm Anh Đức Tài	26/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	8.2	0.0	0.0	7.75	2.8	8.0	18.55	18.55		Đỗ NV1-lần 1

44	151376	Hà Thanh Trúc	16/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.5	1.0	0.0	6.75	4.4	6.25	17.4	18.4		Đỗ NV1-lần 1
45	151148	Nguyễn Nguyên Bảo Khang	12/07/2010	Thành phố Hà Nội	T	K		7.3	8.0	0.0	0.0	5.5	7.4	5.5	18.4	18.4		Đỗ NV1-lần 1
46	151380	Nguyễn Anh Tú	04/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	7.2	0.0	0.0	7.5	4.6	6.25	18.35	18.35		Đỗ NV1-lần 1
47	151011	Đặng Châu Anh	16/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	8.2	1.0	0.0	7.25	2.6	7.25	17.1	18.1		Đỗ NV1-lần 1
48	151313	Quách Công Thành	27/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.7	1.0	0.0	7.0	5.8	4.25	17.05	18.05		Đỗ NV1-lần 1
49	881279	Hà Lê Na	12/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	7.7	1.0	0.0	6.5	5.0	5.5	17.0	18.0		Đỗ NV1-lần 1
50	151031	Vì Thị Ngọc Ánh	23/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.9	1.0	0.0	8.25	3.0	5.75	17.0	18.0		Đỗ NV1-lần 1
51	151347	Lê Huỳnh Minh Thư	01/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	8.8	0.0	0.0	7.75	7.2	3.0	17.95	17.95		Đỗ NV1-lần 1
52	151319	Lò Phương Thảo	09/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	7.5	1.0	0.0	6.75	4.8	5.25	16.8	17.8		Đỗ NV1-lần 1
53	151198	Trương Văn Long	22/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.1	1.0	0.0	6.0	3.2	7.5	16.7	17.7		Đỗ NV1-lần 1
54	151413	Lê Thành Vinh	05/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	6.8	0.0	0.0	6.5	4.2	7.0	17.7	17.7		Đỗ NV1-lần 1
55	151090	Hà Mạnh Đông	18/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.2	1.0	0.0	7.0	2.2	7.5	16.7	17.7		Đỗ NV1-lần 1
56	881098	Phạm Văn Duẩn	15/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.0	1.0	0.0	7.5	1.4	7.75	16.65	17.65		Đỗ NV1-lần 1
57	151189	Trương Khánh Linh	02/09/2010	Tỉnh Điện Biên	T	T	G	6.7	8.3	1.0	0.0	7.25	4.8	4.5	16.55	17.55		Đỗ NV1-lần 1
58	151169	Hà Hương Lan	28/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	8.5	1.0	0.0	7.25	5.8	3.5	16.55	17.55		Đỗ NV1-lần 1
59	151384	Lê Anh Tuấn	13/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	7.2	1.0	0.0	4.5	6.8	5.25	16.55	17.55		Đỗ NV1-lần 1
60	151036	Vì Quốc Bảo	11/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.8	1.0	0.0	7.5	3.0	6.0	16.5	17.5		Đỗ NV1-lần 1
61	881183	Lương Thị Thu Huyền	17/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.8	1.0	0.0	6.75	7.0	2.75	16.5	17.5		Đỗ NV1-lần 1
62	151345	Hà Anh Thư	20/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	7.6	1.0	0.0	7.5	5.2	3.75	16.45	17.45		Đỗ NV1-lần 1
63	151382	Hà Anh Tuấn	10/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	7.2	1.0	0.0	5.5	1.8	9.0	16.3	17.3		Đỗ NV1-lần 1
64	151088	Bùi Thanh Định	19/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.8	1.0	0.0	6.0	3.8	6.5	16.3	17.3		Đỗ NV1-lần 1
65	881254	Hà Quỳnh Mai	08/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	8.2	1.0	0.0	7.75	4.2	4.25	16.2	17.2		Đỗ NV1-lần 1
66	151207	Trương Thị Cẩm Ly	30/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.1	1.0	0.0	6.25	5.2	4.75	16.2	17.2		Đỗ NV1-lần 1
67	151343	Đoàn Minh Thư	03/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.8	0.0	0.0	7.75	5.2	4.25	17.2	17.2		Đỗ NV1-lần 1
68	151420	Đinh Nguyễn Tường Vy	11/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.5	0.0	0.0	6.75	3.4	7.0	17.15	17.15		Đỗ NV1-lần 1
69	881418	Lê Anh Thư	02/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.2	1.0	0.0	7.0	2.4	6.75	16.15	17.15		Đỗ NV1-lần 1
70	151121	Dương Thị Ánh Hồng	17/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	8.3	0.0	0.0	8.0	3.4	5.75	17.15	17.15		Đỗ NV1-lần 1
71	151401	Cao Thanh Vân	22/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.4	1.0	0.0	7.0	2.6	6.5	16.1	17.1		Đỗ NV1-lần 1
72	151123	Lữ Thị Kim Hợp	04/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8.7	1.0	0.0	7.5	2.6	6.0	16.1	17.1		Đỗ NV1-lần 1
73	151374	Hà Thị Việt Trinh	27/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.0	1.0	0.0	8.0	3.2	4.75	15.95	16.95		Đỗ NV1-lần 1
74	151096	Lê Ngọc Hà	01/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	8.1	1.0	0.0	7.5	2.2	6.25	15.95	16.95		Đỗ NV1-lần 1
75	881354	Nguyễn Thị Minh Phương	21/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	7.8	1.0	0.0	6.25	3.8	5.75	15.8	16.8		Đỗ NV1-lần 1
76	151216	Hà Thị Hoài Minh	09/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.6	8.4	1.0	0.0	7.5	3.0	5.25	15.75	16.75		Đỗ NV1-lần 1
77	151239	Phạm Thái Nguyên	23/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.2	1.0	0.0	6.5	3.2	6.0	15.7	16.7		Đỗ NV1-lần 1
78	151223	Lê Thị Hà My	09/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.9	0.0	0.0	7.75	2.2	6.75	16.7	16.7		Đỗ NV1-lần 1
79	151194	Bùi Thanh Long	30/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	8.0	1.0	0.0	6.25	3.4	6.0	15.65	16.65		Đỗ NV1-lần 1
80	151228	Nguyễn Bảo Nam	25/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	6.6	1.0	0.0	6.25	4.4	5.0	15.65	16.65		Đỗ NV1-lần 1
81	151181	Hà Thảo Linh	26/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.5	1.0	0.0	7.0	5.8	2.75	15.55	16.55		Đỗ NV1-lần 1
82	151102	Phạm Thanh Hải	21/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.0	1.0	0.0	6.0	4.8	4.75	15.55	16.55		Đỗ NV1-lần 1
83	151177	Hà Thị Mỹ Lê	28/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.9	1.0	0.0	5.75	6.0	3.75	15.5	16.5		Đỗ NV1-lần 1
84	151176	Hà Hồng Lê	28/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.9	1.0	0.0	5.75	6.0	3.75	15.5	16.5		Đỗ NV1-lần 1
85	151318	Hà Thị Phương Thảo	16/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.0	1.0	0.0	7.75	2.4	5.25	15.4	16.4		Đỗ NV1-lần 1
86	151419	Bùi Thị Tường Vy	11/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.0	8.1	1.0	0.0	6.0	3.4	6.0	15.4	16.4		Đỗ NV1-lần 1
87	151139	Bùi Đức Huyền	18/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	6.1	1.0	0.0	4.75	4.6	6.0	15.35	16.35		Đỗ NV1-lần 1
88	151292	Phạm Trúc Quỳnh	14/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.3	8.2	0.0	0.0	6.92	5.4	4.0	16.32	16.32		Đỗ NV1-lần 1
89	151060	Trương Thị Huyền Diệu	15/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.3	8.5	1.0	0.0	7.0	4.8	3.5	15.3	16.3		Đỗ NV1-lần 1
90	151265	Nguyễn Lê Tâm Như	17/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.6	0.0	0.0	7.5	4.0	4.75	16.25	16.25		Đỗ NV1-lần 1
91	151251	Hà Thị Nhi	17/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.8	1.0	0.0	8.25	3.0	4.0	15.25	16.25		Đỗ NV1-lần 1
92	151338	Vì Thị Thu Thủy	03/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	6.6	1.0	0.0	6.58	3.4	5.25	15.23	16.23		Đỗ NV1-lần 1
93	151256	Lê Thị Yến Nhi	16/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.0	1.0	0.0	6.58	3.4	5.25	15.23	16.23		Đỗ NV1-lần 1
94	881132	Hà Gia Gia	28/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	8.0	1.0	0.0	7.75	3.8	3.5	15.05	16.05		Đỗ NV1-lần 1
95	151316	Trương Vĩnh Thành	17/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.5	1.0	0.0	6.25	3.8	5.0	15.05	16.05		Đỗ NV1-lần 1
96	151100	Lương Văn Hải	19/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.6	1.0	0.0	7.5	4.2	3.25	14.95	15.95		Đỗ NV1-lần 1
97	151244	Trịnh Hà Nguyệt	23/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.7	1.0	0.0	5.0	3.4	6.5	14.9	15.9		Đỗ NV1-lần 1
98	151327	Trương Thị Kim Thi	04/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.6	1.0	0.0	6.75	2.6	5.5	14.85	15.85		Đỗ NV1-lần 1

99	151359	Trần Bá Tiến	13/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	6.8	0.0	0.0	6.75	4.0	5.0	15.75	15.75		Đỗ NV1-lần 1
100	151231	Lê Ngân Nguyệt Nga	14/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8.1	1.0	0.0	6.5	3.0	5.25	14.75	15.75		Đỗ NV1-lần 1
101	151268	Lục Thị Phương Nhung	19/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.0	1.0	0.0	7.0	3.2	4.5	14.7	15.7		Đỗ NV1-lần 1
102	151386	Nguyễn Văn Tuấn	30/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	6.3	1.0	0.0	7.5	2.4	4.75	14.65	15.65		Đỗ NV1-lần 1
103	151202	Phạm Thị Luyến	22/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	8.5	1.0	0.0	7.0	2.8	4.75	14.55	15.55		Đỗ NV1-lần 1
104	151328	Hà Văn Thích	10/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.1	1.0	0.0	7.0	2.0	5.5	14.5	15.5		Đỗ NV1-lần 1
105	151209	Nguyễn Ngân Xuân Mai	22/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	8.0	1.0	0.0	6.75	3.0	4.75	14.5	15.5		Đỗ NV1-lần 1
106	151360	Trịnh Đình Tiến	20/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	5.6	0.0	0.0	5.5	7.2	2.75	15.45	15.45		Đỗ NV1-lần 1
107	881403	Lục Thị Hoài Thu	28/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.0	8.2	1.0	0.0	6.25	2.8	5.25	14.3	15.3		Đỗ NV1-lần 1
108	151355	Trịnh Bảo Thy	28/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.4	8.1	1.0	0.0	6.25	4.8	3.25	14.3	15.3		Đỗ NV1-lần 1
109	151227	Lê Bảo Nam	03/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.1	5.5	0.0	0.0	5.75	3.8	5.75	15.3	15.3		Đỗ NV1-lần 1
110	151410	Nguyễn Công Việt	14/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.2	5.5	1.0	0.0	4.75	3.0	6.5	14.25	15.25		Đỗ NV1-lần 1
111	151354	Hà Bảo Thy	08/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.1	1.0	0.0	7.5	2.4	4.25	14.15	15.15		Đỗ NV1-lần 1
112	151284	Trịnh Anh Quân	21/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.8	1.0	0.0	5.25	2.4	6.5	14.15	15.15		Đỗ NV1-lần 1
113	151128	Hà Văn Hùng	12/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.3	1.0	0.0	5.5	2.4	6.25	14.15	15.15		Đỗ NV1-lần 1
114	151175	Lò Tùng Lâm	15/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	6.5	1.0	0.0	5.5	3.6	5.0	14.1	15.1		Đỗ NV1-lần 1
115	881327	Hà Hồng Nhung	03/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.7	1.0	0.0	7.0	3.8	3.25	14.05	15.05		Đỗ NV1-lần 1
116	151155	Hà Anh Khoa	28/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.0	6.9	1.0	0.0	5.5	3.8	4.75	14.05	15.05		Đỗ NV1-lần 1
117	151151	Hà Ngọc Khánh	26/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	8.2	1.0	0.0	7.0	2.8	4.25	14.05	15.05		Đỗ NV1-lần 1
118	151071	Trương Ngọc Duy	17/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.8	1.0	0.0	5.75	3.0	5.25	14.0	15.0		Đỗ NV1-lần 1
119	151073	Dương Thị Hà Duyên	31/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	8.2	1.0	0.0	7.25	3.4	3.25	13.9	14.9		Đỗ NV1-lần 1
120	151033	Phạm Gia Bảo	29/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	8.2	1.0	0.0	3.5	6.4	4.0	13.9	14.9		Đỗ NV1-lần 1
121	151248	Hà Long Nhật	10/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.0	1.0	0.0	7.0	1.8	5.0	13.8	14.8		Đỗ NV1-lần 1
122	151138	Nguyễn Khánh Huyền	02/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	7.8	0.0	0.0	5.5	4.0	5.25	14.75	14.75		Đỗ NV1-lần 1
123	151252	Hà Thị Uyển Nhi	02/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.6	1.0	0.0	7.25	2.0	4.5	13.75	14.75		Đỗ NV1-lần 1
124	871076	Ngân Thanh Hà	24/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	7.8	1.0	0.0	7.0	2.2	4.5	13.7	14.7		Đỗ NV1-lần 1
125	151170	Hà Thị Ngọc Lan	07/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.0	1.0	0.0	4.75	4.4	4.5	13.65	14.65		Đỗ NV1-lần 1
126	151041	Lê Đoàn Bảo Châu	16/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.0	0.0	0.0	8.0	2.6	4.0	14.6	14.6		Đỗ NV1-lần 1
127	151243	Lương Thị Ánh Nguyệt	20/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	8.0	1.0	0.0	6.5	2.6	4.5	13.6	14.6		Đỗ NV1-lần 1
128	151356	Bùi Thị Thủy Tiên	28/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	8.1	1.0	0.0	6.25	3.6	3.75	13.6	14.6		Đỗ NV1-lần 1
129	151013	Hà Thị Vân Anh	15/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	7.4	1.0	0.0	7.5	2.6	3.5	13.6	14.6		Đỗ NV1-lần 1
130	151421	Hà Thị Phương Vy	07/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	7.7	1.0	0.0	6.25	3.6	3.75	13.6	14.6		Đỗ NV1-lần 1
131	151275	Bùi Đình Phước	13/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.1	6.0	1.0	0.0	5.0	3.8	4.75	13.55	14.55		Đỗ NV1-lần 1
132	151310	Lê Trường Thành	10/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	6.5	0.0	0.0	6.5	3.0	5.0	14.5	14.5		Đỗ NV1-lần 1
133	151423	Nguyễn Hà Yến Vy	02/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.4	1.0	0.0	6.75	2.0	4.75	13.5	14.5		Đỗ NV1-lần 1
134	151336	Hà Văn Thủy	20/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.0	7.6	1.0	0.0	5.5	3.0	5.0	13.5	14.5		Đỗ NV1-lần 1
135	151010	Chu Đức Anh	21/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	6.9	0.0	0.0	6.0	3.2	5.25	14.45	14.45		Đỗ NV1-lần 1
136	151009	Cao Văn Tuấn Anh	08/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.1	1.0	0.0	6.0	3.4	4.0	13.4	14.4		Đỗ NV1-lần 1
137	151293	Trương Thị Như Quỳnh	02/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	6.8	1.0	0.0	7.0	1.4	5.0	13.4	14.4		Đỗ NV1-lần 1
138	151062	Hà Hiền Diệu	16/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	8.2	1.0	0.0	8.0	2.4	3.0	13.4	14.4		Đỗ NV1-lần 1
139	151254	Hà Yến Nhi	01/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.0	1.0	0.0	7.75	2.6	3.0	13.35	14.35		Đỗ NV1-lần 1
140	151369	Lương Khả Trâm	09/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.3	1.0	0.0	7.25	2.6	3.5	13.35	14.35		Đỗ NV1-lần 1
141	151120	Hà Huy Học	25/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	8.2	1.0	0.0	7.0	3.8	2.5	13.3	14.3		Đỗ NV1-lần 1
142	151193	Bùi Đức Long	12/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.6	1.0	0.0	5.25	2.8	5.25	13.3	14.3		Đỗ NV1-lần 1
143	151258	Trương Thị Yến Nhi	03/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	8.4	1.0	0.0	7.25	3.0	3.0	13.25	14.25		Đỗ NV1-lần 1
144	151072	Bùi Thị Hà Duyên	01/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.6	1.0	0.0	6.5	3.0	3.75	13.25	14.25		Đỗ NV1-lần 1
145	151219	Lục Quang Minh	18/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	5.5	1.0	0.0	5.25	2.2	5.75	13.2	14.2		Đỗ NV1-lần 1
146	151204	Nguyễn Bùi Khánh Ly	17/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	8.1	1.0	0.0	6.0	2.4	4.75	13.15	14.15		Đỗ NV1-lần 1
147	151173	Hoàng Dũng Khánh Lâm	09/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	8.2	0.0	0.0	6.0	2.4	5.75	14.15	14.15		Đỗ NV1-lần 1
148	151344	Hà Anh Thư	23/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.5	1.0	0.0	7.0	2.4	3.75	13.15	14.15		Đỗ NV1-lần 1
149	151295	Nguyễn Văn Sơn	14/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	6.2	1.0	0.0	5.5	3.4	4.25	13.15	14.15		Đỗ NV1-lần 1
150	151263	Hà Thị Như	16/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.0	6.9	1.0	0.0	7.0	2.4	3.75	13.15	14.15		Đỗ NV1-lần 1
151	151305	Vũ Hoàng Thái	03/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	6.3	0.0	0.0	6.25	3.4	4.5	14.15	14.15		Đỗ NV1-lần 1
152	151230	Bùi Thị Thanh Nga	25/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.9	7.2	1.0	0.0	6.75	2.6	3.75	13.1	14.1		Đỗ NV1-lần 1
153	151220	Nguyễn Hữu Minh	23/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	7.2	0.0	0.0	7.0	2.6	4.5	14.1	14.1		Đỗ NV1-lần 1
154	151358	Bùi Văn Tiến	15/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.0	5.9	1.0	0.0	5.75	3.8	3.5	13.05	14.05		Đỗ NV1-lần 1

155	151329	Bùi Thị Thơm	14/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.2	1.0	0.0	8.25	1.8	3.0	13.05	14.05		Đỗ NV1-lần 1
156	151285	Trương Công Quân	10/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.0	5.8	1.0	0.0	4.25	2.0	6.75	13.0	14.0		Đỗ NV1-lần 1
157	151271	Trương Thị Kiều Oanh	29/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	8.1	1.0	0.0	5.75	4.0	3.25	13.0	14.0		Đỗ NV1-lần 1
158	151432	Trịnh Hải Yến	21/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	8.7	1.0	0.0	6.08	2.4	4.5	12.98	13.98		Đỗ NV1-lần 1
159	151378	Bùi Văn Trường	01/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	6.2	1.0	0.0	5.5	4.2	3.25	12.95	13.95		Đỗ NV1-lần 1
160	151113	Trần Hữu Hòa	12/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	7.7	0.0	0.0	5.0	3.4	5.5	13.9	13.9		Đỗ NV1-lần 1
161	151178	Ngân Thị Đan Lê	24/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	8.2	1.0	0.0	6.0	1.8	5.0	12.8	13.8		Đỗ NV1-lần 1
162	151221	Hà Thảo Mơ	21/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.2	1.0	0.0	7.25	2.0	3.5	12.75	13.75		Đỗ NV1-lần 1
163	151395	Bùi Thu Uyên	14/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.5	5.9	1.0	0.0	6.25	3.0	3.5	12.75	13.75		Đỗ NV1-lần 1
164	151393	Hà Kim Tuyết	31/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.5	1.0	0.0	6.5	2.2	4.0	12.7	13.7		Đỗ NV1-lần 1
165	151412	Hà Quang Vinh	20/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	6.8	1.0	0.0	5.5	3.4	3.75	12.65	13.65		Đỗ NV1-lần 1
166	151027	Lê Thị Ngọc Ánh	27/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	6.9	0.0	0.0	5.75	4.4	3.5	13.65	13.65		Đỗ NV1-lần 1
167	151196	Nguyễn Thành Long	10/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	6.7	0.0	0.0	6.25	2.6	4.75	13.6	13.6		Đỗ NV1-lần 1
168	151047	Mai Hữu Chiến	04/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.0	1.0	0.0	4.75	3.6	4.25	12.6	13.6		Đỗ NV1-lần 1
169	151217	Hà Tuấn Minh	02/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		6.8	6.1	1.0	0.0	5.5	2.6	4.5	12.6	13.6		Đỗ NV1-lần 1
170	151012	Hà Thị Tố Anh	11/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.6	1.0	0.0	6.25	2.8	3.5	12.55	13.55		Đỗ NV1-lần 1
171	151234	Lò Thị Ngát	21/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	8.0	1.0	0.0	5.75	3.8	3.0	12.55	13.55		Đỗ NV1-lần 1
172	881266	Hà Phạm Nhật Minh	05/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.2	1.0	0.0	5.5	3.8	3.25	12.55	13.55		Đỗ NV1-lần 1
173	151106	Hà Thị Hiếm	19/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	8.5	1.0	0.0	8.25	1.8	2.5	12.55	13.55		Đỗ NV1-lần 1
174	151087	Vũ Huỳnh Điệp	14/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.0	1.0	0.0	5.5	3.8	3.25	12.55	13.55		Đỗ NV1-lần 1
175	151396	Hà Phương Uyên	29/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	6.8	1.0	0.0	6.75	2.0	3.75	12.5	13.5		Đỗ NV1-lần 1
176	151004	Nguyễn Tấn An	23/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.6	0.0	0.0	6.25	3.0	4.25	13.5	13.5		Đỗ NV1-lần 1
177	151203	Lương Lê Khánh Ly	16/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.6	0.0	0.0	6.75	2.0	4.75	13.5	13.5		Đỗ NV1-lần 1
178	151040	Hà Thị Bưởi	07/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	T		7.0	7.3	1.0	0.0	7.0	2.0	3.5	12.5	13.5		Đỗ NV1-lần 1
179	151126	Phạm Thị Huệ	08/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.4	1.0	0.0	5.33	2.4	4.75	12.48	13.48		Đỗ NV1-lần 1
180	151045	Hà Minh Chí	10/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.6	6.6	1.0	0.0	5.5	2.2	4.75	12.45	13.45		Đỗ NV1-lần 1
181	151029	Trần Ngọc Ánh	14/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.3	0.0	0.0	6.25	4.2	3.0	13.45	13.45		Đỗ NV1-lần 1
182	151167	Trương Thanh Lam	12/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.0	1.0	0.0	6.75	3.2	2.5	12.45	13.45		Đỗ NV1-lần 1
183	151199	Bùi Đức Lợi	21/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.2	1.0	0.0	4.75	2.2	5.5	12.45	13.45		Đỗ NV1-lần 1
184	151152	Phạm Nguyên Khánh	16/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.8	6.2	1.0	0.0	6.25	3.2	3.0	12.45	13.45		Đỗ NV1-lần 1
185	151119	Phạm Minh Hoàng	14/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.3	1.0	0.0	4.5	3.2	4.75	12.45	13.45		Đỗ NV1-lần 1
186	151179	Hà Thị Liên	30/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.8	1.0	0.0	6.5	2.4	3.5	12.4	13.4		Đỗ NV1-lần 1
187	151046	Lê Văn Chí	30/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.4	0.0	0.0	5.25	3.8	4.25	13.3	13.3		Đỗ NV1-lần 1
188	151290	Hà Thị Như Quỳnh	09/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	6.8	1.0	0.0	7.25	1.8	3.25	12.3	13.3		Đỗ NV1-lần 1
189	151399	Lương Thị Tố Uyên	22/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.7	8.3	1.0	0.0	6.75	2.8	2.75	12.3	13.3		Đỗ NV1-lần 1
190	151124	Bùi Minh Huân	28/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.6	5.9	1.0	0.0	5.67	3.6	3.0	12.27	13.27		Đỗ NV1-lần 1
191	151201	Hà Thị Luyến	14/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.6	1.0	0.0	6.0	2.0	4.25	12.25	13.25		Đỗ NV1-lần 1
192	151303	Lương Thị My Tâm	10/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.3	1.0	0.0	7.25	3.0	2.0	12.25	13.25		Đỗ NV1-lần 1
193	151431	Hà Thị Tiểu Yến	23/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.0	8.3	1.0	0.0	6.75	2.0	3.5	12.25	13.25		Đỗ NV1-lần 1
194	151286	Phạm Thị Lệ Quyên	18/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	8.4	1.0	0.0	5.75	3.0	3.5	12.25	13.25		Đỗ NV1-lần 1
195	151249	Hà Minh Nhật	30/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.7	1.0	0.0	5.0	4.2	3.0	12.2	13.2		Đỗ NV1-lần 1
196	151247	Hà Thị Nhân	15/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8.5	1.0	0.0	7.75	2.4	2.0	12.15	13.15		Đỗ NV1-lần 1
197	151270	Phạm Hà Ngọc Oanh	23/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.1	1.0	0.0	6.25	2.6	3.25	12.1	13.1		Đỗ NV1-lần 1
198	151264	Lê Thị Gia Như	24/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.7	1.0	0.0	6.0	1.6	4.5	12.1	13.1		Đỗ NV1-lần 1
199	151190	Trương Ngọc Khánh Linh	25/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.0	1.0	0.0	5.0	2.6	4.5	12.1	13.1		Đỗ NV1-lần 1
200	151147	Lò Tuấn Khang	22/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.6	1.0	0.0	5.75	2.8	3.5	12.05	13.05		Đỗ NV1-lần 1
201	151112	Lương Thế Hòa	14/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	7.5	1.0	0.0	5.5	3.0	3.5	12.0	13.0		Đỗ NV1-lần 1
202	151398	Hà Thị Tố Uyên	11/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.3	1.0	0.0	6.67	1.8	3.5	11.97	12.97		Đỗ NV1-lần 1
203	151021	Phạm Tuấn Anh	05/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	6.8	0.0	0.0	7.0	2.2	3.75	12.95	12.95		Đỗ NV1-lần 1
204	151061	Vi Thị Diệu	11/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.2	1.0	0.0	6.0	3.2	2.75	11.95	12.95		Đỗ NV1-lần 1
205	151281	Bùi Mạnh Quân	23/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.6	0.0	0.0	6.25	2.4	4.25	12.9	12.9		Đỗ NV1-lần 1
206	151408	Hà Tuấn Việt	20/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	8.3	1.0	0.0	5.75	2.4	3.75	11.9	12.9		Đỗ NV1-lần 1
207	151373	Hà Thị Thục Trinh	25/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	6.1	1.0	0.0	5.75	2.6	3.5	11.85	12.85		Đỗ NV1-lần 1
208	151014	Hà Tuấn Anh	22/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.7	6.6	1.0	0.0	5.25	3.6	3.0	11.85	12.85		Đỗ NV1-lần 1
209	151418	Bùi Thị Thảo Vy	06/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.2	1.0	0.0	5.75	2.6	3.5	11.85	12.85		Đỗ NV1-lần 1

210	151105	Vi Thị Diễm Hằng	16/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	7.1	1.0	0.0	5.83	3.0	3.0	11.83	12.83		Đỗ NV1-lần 1
211	151160	Bùi Thục Khuê	14/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	5.9	1.0	0.0	5.75	2.8	3.25	11.8	12.8		Đỗ NV1-lần 1
212	151366	Lục Thùy Trang	17/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	7.2	1.0	0.0	6.0	2.0	3.75	11.75	12.75		Đỗ NV1-lần 1
213	151391	Hà Thanh Tuyền	27/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	6.0	1.0	0.0	7.0	2.0	2.75	11.75	12.75		Đỗ NV1-lần 1
214	151309	Hoàng Văn Thành	30/05/2009	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.4	5.1	0.0	0.0	5.5	2.0	5.25	12.75	12.75		Đỗ NV1-lần 1
215	151052	Ngân Việt Cường	27/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	5.7	1.0	0.0	5.5	2.0	4.25	11.75	12.75		Đỗ NV1-lần 1
216	151381	Phạm Văn Tú	19/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.2	1.0	0.0	4.0	4.0	3.75	11.75	12.75		Đỗ NV1-lần 1
217	151321	Lương Bích Thảo	04/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.6	1.0	0.0	6.25	2.2	3.25	11.7	12.7		Đỗ NV1-lần 1
218	151019	Phạm Hùng Anh	28/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.4	0.0	0.0	6.75	3.2	2.75	12.7	12.7		Đỗ NV1-lần 1
219	151277	Hà Mai Phương	11/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.5	1.0	0.0	6.75	2.6	2.25	11.6	12.6		Đỗ NV1-lần 1
220	151134	Hoàng Văn Huy	16/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	6.9	0.0	0.0	5.0	2.6	5.0	12.6	12.6		Đỗ NV1-lần 1
221	151143	Phạm Thị Thu Hường	13/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.7	1.0	0.0	5.25	2.6	3.75	11.6	12.6		Đỗ NV1-lần 1
222	151141	Hà Thị Quỳnh Hương	03/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.7	1.0	0.0	5.25	2.6	3.75	11.6	12.6		Đỗ NV1-lần 1
223	151039	Nguyễn Thị Thanh Bình	30/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	8.1	1.0	0.0	5.75	3.8	2.0	11.55	12.55		Đỗ NV1-lần 1
224	151104	Vi Chí Hải	01/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		6.0	6.0	1.0	0.0	5.25	2.8	3.5	11.55	12.55		Đỗ NV1-lần 1
225	151195	Dư Bảo Long	19/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	7.2	0.0	0.0	5.75	3.0	3.75	12.5	12.5		Đỗ NV1-lần 1
226	151055	Hà Thị Thu Diễm	20/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.2	1.0	0.0	5.75	3.0	2.75	11.5	12.5		Đỗ NV1-lần 1
227	151424	Nguyễn Phương Vy	19/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.1	1.0	0.0	5.25	2.0	4.25	11.5	12.5		Đỗ NV1-lần 1
228	151302	Đinh Hà Tâm	21/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	5.6	1.0	0.0	5.0	3.0	3.5	11.5	12.5		Đỗ NV1-lần 1
229	151091	Hà Thị Bảo Gia	07/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.5	1.0	0.0	5.0	3.0	3.5	11.5	12.5		Đỗ NV1-lần 1
230	151057	Trương Thị Ngọc Diệp	20/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.7	1.0	0.0	5.75	2.2	3.5	11.45	12.45		Đỗ NV1-lần 1
231	151156	Hà Đăng Khoa	19/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	6.9	1.0	0.0	5.0	2.4	4.0	11.4	12.4		Đỗ NV1-lần 1
232	151282	Cao Mạnh Quân	01/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.0	1.0	0.0	4.5	3.4	3.5	11.4	12.4		Đỗ NV1-lần 1
233	151389	Hà Mạnh Tùng	03/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	6.0	1.0	0.0	4.5	3.4	3.5	11.4	12.4		Đỗ NV1-lần 1
234	151002	Hà Thùy An	11/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.1	1.0	0.0	6.25	2.4	2.75	11.4	12.4		Đỗ NV1-lần 1
235	151253	Hà Yến Nhi	26/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.5	1.0	0.0	5.75	1.6	4.0	11.35	12.35		Đỗ NV1-lần 1
236	151390	Nguyễn Thanh Tùng	04/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	7.4	0.0	0.0	5.25	2.6	4.5	12.35	12.35		Đỗ NV1-lần 1
237	151326	Hà Văn Thắng	16/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.2	1.0	0.0	6.0	1.6	3.75	11.35	12.35		Đỗ NV1-lần 1
238	151340	Lữ Thị Hồng Thúy	18/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.4	1.0	0.0	6.0	2.6	2.75	11.35	12.35		Đỗ NV1-lần 1
239	151342	Bùi Thị Minh Thư	18/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	6.2	1.0	0.0	5.58	3.0	2.75	11.33	12.33		Đỗ NV1-lần 1
240	151084	Nguyễn Thành Đạt	19/10/2010	Tỉnh Quảng Ninh	T	K		6.7	6.1	1.0	0.0	5.5	2.8	3.0	11.3	12.3		Đỗ NV1-lần 1
241	151136	Hà Thanh Huyền	07/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.8	1.0	0.0	5.0	3.0	3.25	11.25	12.25		Đỗ NV1-lần 1
242	151214	Hà Bình Minh	11/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.3	1.0	0.0	5.5	2.0	3.75	11.25	12.25		Đỗ NV1-lần 1
243	151229	Nguyễn Phương Hải Nam	10/02/2010	Tỉnh Hòa Bình	T	K		7.0	7.6	0.0	0.0	5.0	3.2	4.0	12.2	12.2		Đỗ NV1-lần 1
244	151400	Phạm Thị Phương Uyên	22/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.0	1.0	0.0	4.5	2.2	4.5	11.2	12.2		Đỗ NV1-lần 1
245	151188	Phạm Thị Hà Linh	06/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	6.8	1.0	0.0	4.75	4.2	2.25	11.2	12.2		Đỗ NV1-lần 1
246	151166	Lương Thị Ngọc Kim	05/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	8.6	1.0	0.0	7.25	2.2	1.75	11.2	12.2		Đỗ NV1-lần 1
247	151352	Hà Mai Thương	18/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.4	1.0	0.0	4.75	3.4	3.0	11.15	12.15		Đỗ NV1-lần 1
248	151115	Hà Thị Thu Hoài	08/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	6.7	1.0	0.0	5.25	2.4	3.5	11.15	12.15		Đỗ NV1-lần 1
249	151422	Lường Thị Tường Vy	01/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.5	8.1	0.0	0.0	5.5	3.6	3.0	12.1	12.1		Đỗ NV1-lần 1
250	151323	Trương Thị Hồng Thắm	23/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8.9	1.0	0.0	6.5	1.8	2.75	11.05	12.05		Đỗ NV1-lần 1
251	151050	Bùi Thị Kim Cúc	10/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	8.1	1.0	0.0	6.5	2.0	2.5	11.0	12.0		Đỗ NV1-lần 1
252	151016	Lữ Thị Quỳnh Anh	16/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.7	1.0	0.0	5.75	2.0	3.25	11.0	12.0		Đỗ NV1-lần 1
253	151117	Đinh Huy Hoàng	08/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	6.5	1.0	0.0	4.75	3.0	3.25	11.0	12.0		Đỗ NV1-lần 1
254	151135	Vi Quang Huy	30/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.1	6.7	1.0	0.0	6.0	3.0	2.0	11.0	12.0		Đỗ NV1-lần 1
255	151255	Hà Yến Nhi	04/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	7.8	1.0	0.0	6.25	1.2	3.5	10.95	11.95		Đỗ NV1-lần 1
256	151168	Trương Thị Thanh Lam	22/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	7.5	1.0	0.0	5.75	3.6	1.5	10.85	11.85		Đỗ NV1-lần 1
257	151364	Bùi Thị Thùy Trang	25/12/2009	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.4	6.9	1.0	0.0	5.25	2.6	3.0	10.85	11.85		Đỗ NV1-lần 1
258	151149	Hà Duy Khánh	01/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.5	1.0	0.0	5.75	1.8	3.25	10.8	11.8		Đỗ NV1-lần 1
259	151059	Hà Huyền Diệu	16/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.1	7.6	1.0	0.0	6.75	1.8	2.25	10.8	11.8		Đỗ NV1-lần 1
260	151291	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	06/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.4	0.0	0.0	5.25	1.8	4.75	11.8	11.8		Đỗ NV1-lần 1
261	151317	Bùi Phương Thảo	27/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	6.7	1.0	0.0	5.5	3.0	2.25	10.75	11.75		Đỗ NV1-lần 1
262	151280	Lò Mạnh Quang	24/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.5	1.0	0.0	6.0	2.0	2.75	10.75	11.75		Đỗ NV1-lần 1
263	151200	Hà Sỹ Luân	18/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.7	5.8	1.0	0.0	5.0	2.0	3.75	10.75	11.75		Đỗ NV1-lần 1
264	151018	Nguyễn Hoàng Anh	10/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	6.1	1.0	0.0	5.0	2.2	3.5	10.7	11.7		Đỗ NV1-lần 1

265	151108	Vi Thị Thu Hiền	23/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	7.7	1.0	0.0	6.25	2.4	2.0	10.65	11.65		Đỗ NV1-lần 1
266	151232	Trịnh Thị Quỳnh Nga	17/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	8.6	0.0	0.0	6.75	1.4	3.5	11.65	11.65		Đỗ NV1-lần 1
267	151394	Lương Chí Tường	15/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		6.5	6.4	1.0	0.0	5.0	2.4	3.25	10.65	11.65		Đỗ NV1-lần 1
268	151315	Trương Nhật Thành	22/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	6.3	1.0	0.0	5.5	2.6	2.5	10.6	11.6		Đỗ NV1-lần 1
269	151312	Lương Đại Thành	25/06/2009	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	5.9	1.0	0.0	5.5	1.6	3.5	10.6	11.6		Đỗ NV1-lần 1
270	151297	Bùi Văn Tài	28/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.3	6.0	1.0	0.0	5.5	2.6	2.5	10.6	11.6		Đỗ NV1-lần 1
271	151037	Trương Thị Ngọc Bích	15/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	8.7	1.0	0.0	6.5	2.8	1.25	10.55	11.55		Đỗ NV1-lần 1
272	151246	Hà Hoài Nhã	18/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.3	1.0	0.0	6.0	1.8	2.75	10.55	11.55		Đỗ NV1-lần 1
273	151334	Phạm Thị Thu Thùy	25/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.1	1.0	0.0	5.75	2.0	2.75	10.5	11.5		Đỗ NV1-lần 1
274	151008	Cao Đức Anh	05/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.0	1.0	0.0	3.75	3.0	3.75	10.5	11.5		Đỗ NV1-lần 1
275	151210	Vũ Phạm Thanh Mai	27/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.1	7.0	0.0	0.0	6.75	2.0	2.75	11.5	11.5		Đỗ NV1-lần 1
276	151322	Trương Thị Thắm	03/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.0	8.9	1.0	0.0	6.0	2.2	2.25	10.45	11.45		Đỗ NV1-lần 1
277	151054	Lục Thị Trúc Diễm	13/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.3	1.0	0.0	5.42	2.0	3.0	10.42	11.42		Đỗ NV1-lần 1
278	151208	Trương Thị Hương Ly	13/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.7	6.5	1.0	0.0	6.0	1.4	3.0	10.4	11.4		Đỗ NV1-lần 1
279	151162	Hà Trung Kiên	18/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	5.9	1.0	0.0	5.0	2.0	3.25	10.25	11.25		Đỗ NV1-lần 1
280	151242	Lữ Thị Nguyệt	19/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8.1	1.0	0.0	5.25	2.2	2.75	10.2	11.2		Đỗ NV1-lần 1
281	151182	Hà Thị Khánh Linh	01/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.4	1.0	0.0	4.5	3.2	2.5	10.2	11.2		Đỗ NV1-lần 1
282	871149	Vi Hà Bảo Long	20/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.3	8.0	1.0	0.0	5.75	1.4	3.0	10.15	11.15		Đỗ NV1-lần 1
283	151064	Phạm Thủy Dung	06/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.1	8.3	1.0	0.0	4.5	2.4	3.25	10.15	11.15		Đỗ NV1-lần 1
284	151331	Trương Ngọc Thuận	28/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	8.0	1.0	0.0	5.5	1.6	3.0	10.1	11.1		Đỗ NV1-lần 1
285	151186	Phạm Khánh Linh	21/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.2	6.4	1.0	0.0	3.0	3.6	3.5	10.1	11.1		Đỗ NV1-lần 1
286	151272	Lê Hồng Phong	09/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.1	6.3	0.0	0.0	4.5	2.8	3.75	11.05	11.05		Đỗ NV1-lần 1
287	151044	Trương Thị Kim Chi	23/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.3	1.0	0.0	6.0	2.0	2.0	10.0	11.0		Đỗ NV1-lần 1
288	151375	Trương Đình Trọng	30/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	6.2	1.0	0.0	4.5	2.0	3.5	10.0	11.0		Đỗ NV1-lần 1
289	151051	Bùi Việt Cường	27/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	6.4	1.0	0.0	5.75	2.2	2.0	9.95	10.95		Đỗ NV1-lần 1
290	151069	Phạm Khánh Duy	03/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	6.8	0.0	0.0	4.25	3.2	3.5	10.95	10.95		Đỗ NV1-lần 1
291	151273	Lê Vũ Nam Phong	05/12/2009	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.3	6.2	1.0	0.0	3.75	3.2	3.0	9.95	10.95		Đỗ NV1-lần 1
292	151294	Trương Thị Như Quỳnh	01/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.9	1.0	0.0	4.5	3.2	2.25	9.95	10.95		Đỗ NV1-lần 1
293	151075	Hà Quý Dương	04/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.8	5.5	1.0	0.0	5.5	3.2	1.25	9.95	10.95		Đỗ NV1-lần 1
294	151028	Phạm Thị Hồng Ánh	16/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.2	1.0	0.0	5.25	2.4	2.25	9.9	10.9		Đỗ NV1-lần 1
295	151226	Hà Bảo Nam	08/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	6.5	1.0	0.0	6.0	2.4	1.5	9.9	10.9		Đỗ NV1-lần 1
296	151110	Hà Đức Hiếu	05/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	7.1	1.0	0.0	5.5	1.4	3.0	9.9	10.9		Đỗ NV1-lần 1
297	151370	Phạm Hoàng Bảo Trâm	11/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	6.0	0.0	0.0	3.75	2.6	4.5	10.85	10.85		Đỗ NV1-lần 1
298	151053	Hà Phương Diễm	14/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.2	1.0	0.0	6.0	1.8	2.0	9.8	10.8		Đỗ NV1-lần 1
299	151213	Trương Đức Mạnh	19/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.3	1.0	0.0	4.5	2.8	2.5	9.8	10.8		Đỗ NV1-lần 1
300	151146	Phạm Tuấn Khải	02/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.5	6.4	1.0	0.0	5.0	1.8	3.0	9.8	10.8		Đỗ NV1-lần 1
301	151357	Trương Thủy Tiên	04/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.3	6.8	1.0	0.0	5.0	2.8	2.0	9.8	10.8		Đỗ NV1-lần 1
302	151361	Hà Khánh Toàn	22/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	6.7	1.0	0.0	5.75	1.8	2.25	9.8	10.8		Đỗ NV1-lần 1
303	151017	Nguyễn Đức Anh	01/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.3	6.1	1.0	0.0	4.75	2.8	2.25	9.8	10.8		Đỗ NV1-lần 1
304	151278	Hà Thị Hoài Phương	10/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.3	1.0	0.0	5.0	2.0	2.75	9.75	10.75		Đỗ NV1-lần 1
305	151129	Nguyễn Mạnh Hùng	29/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.0	6.2	1.0	0.0	4.5	2.0	3.25	9.75	10.75		Đỗ NV1-lần 1
306	151001	Bùi Thuý An An	01/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.1	1.0	0.0	4.5	1.0	4.25	9.75	10.75		Đỗ NV1-lần 1
307	151215	Hà Thanh Minh	15/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.4	1.0	0.0	4.5	2.2	3.0	9.7	10.7		Đỗ NV1-lần 1
308	151371	Vi Ngọc Trâm	11/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8.0	1.0	0.0	5.25	1.2	3.25	9.7	10.7		Đỗ NV1-lần 1
309	151180	Bùi Thị Liễu	04/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.0	6.8	1.0	0.0	4.5	2.2	3.0	9.7	10.7		Đỗ NV1-lần 1
310	151098	Bùi Mạnh Hải	15/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.9	6.1	1.0	0.0	4.5	2.2	3.0	9.7	10.7		Đỗ NV1-lần 1
311	151262	Hà Hương Nhụy	22/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.5	1.0	0.0	5.0	2.4	2.25	9.65	10.65		Đỗ NV1-lần 1
312	151283	Hà Minh Quân	01/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.1	1.0	0.0	5.5	2.4	1.75	9.65	10.65		Đỗ NV1-lần 1
313	151325	Bùi Văn Thắng	09/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	5.8	1.0	0.0	4.25	2.6	2.75	9.6	10.6		Đỗ NV1-lần 1
314	151212	Kiều Văn Mạnh	13/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.4	5.4	0.0	0.0	5.0	2.6	3.0	10.6	10.6		Đỗ NV1-lần 1
315	151107	Trương Thị Hiền	14/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	6.9	1.0	0.0	6.0	1.8	1.75	9.55	10.55		Đỗ NV1-lần 1
316	151377	Lê Thị Thanh Trúc	15/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.8	1.0	0.0	3.0	2.8	3.75	9.55	10.55		Đỗ NV1-lần 1
317	151341	Phạm Thị Thanh Thúy	22/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.7	1.0	0.0	6.0	1.0	2.5	9.5	10.5		Đỗ NV1-lần 1
318	151065	Hà Anh Dũng	24/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.6	6.5	1.0	0.0	5.0	2.0	2.5	9.5	10.5		Đỗ NV1-lần 1
319	151163	Vi Tuấn Kiên	12/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.2	6.2	1.0	0.0	5.0	2.0	2.5	9.5	10.5		Đỗ NV1-lần 1
320	151043	Phạm Yến Chi	18/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.0	8.1	1.0	0.0	6.25	2.0	1.25	9.5	10.5		Đỗ NV1-lần 1

321	151349	Phạm Thị Anh Thư	21/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	8.7	1.0	0.0	4.75	1.2	3.5	9.45	10.45		Đỗ NV1-lần 1
322	151095	Hoàng Thị Hà	04/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8.1	1.0	0.0	5.25	1.2	3.0	9.45	10.45		Đỗ NV1-lần 1
323	151164	Hà Anh Kiệt	07/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.0	6.2	1.0	0.0	5.5	1.4	2.5	9.4	10.4		Đỗ NV1-lần 1
324	151333	Cao Phương Thùy	13/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	6.9	1.0	0.0	5.25	1.6	2.5	9.35	10.35		Đỗ NV1-lần 1
325	151314	Trương Đức Thành	01/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		6.7	6.0	1.0	0.0	5.0	1.6	2.75	9.35	10.35		Đỗ NV1-lần 1
326	151428	Lương Thiện Vỹ	31/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	6.9	1.0	0.0	5.25	1.8	2.25	9.3	10.3		Đỗ NV1-lần 1
327	151429	Bùi Thị Xuân	27/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.0	6.7	1.0	0.0	4.25	1.8	3.25	9.3	10.3		Đỗ NV1-lần 1
328	151142	Vì Thị Mai Hương	17/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.1	1.0	0.0	4.75	2.0	2.5	9.25	10.25		Đỗ NV1-lần 1
329	151097	Phạm Ngân Hà	08/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.4	1.0	0.0	4.75	2.0	2.5	9.25	10.25		Đỗ NV1-lần 1
330	151379	Dương Mạnh Tú	06/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.6	5.6	1.0	0.0	2.25	4.0	3.0	9.25	10.25		Đỗ NV1-lần 1
331	151042	Hà Mai Chi	25/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.0	1.0	0.0	5.0	2.2	2.0	9.2	10.2		Đỗ NV1-lần 1
332	151240	Trương Minh Nguyên	01/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.7	5.7	1.0	0.0	4.0	3.2	2.0	9.2	10.2		Đỗ NV1-lần 1
333	151023	Trương Thị Lan Anh	12/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.6	7.0	1.0	0.0	5.25	2.2	1.75	9.2	10.2		Đỗ NV1-lần 1
334	151048	Lê Đức Chinh	20/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.9	6.5	1.0	0.0	3.25	3.4	2.5	9.15	10.15		Đỗ NV1-lần 1
335	151080	Trương Quỳnh Đan	09/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	8.0	1.0	0.0	4.17	2.2	2.75	9.12	10.12		Đỗ NV1-lần 1
336	151330	Phạm Thị Thu	04/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.2	1.0	0.0	3.75	2.6	2.75	9.1	10.1		Đỗ NV1-lần 1
337	151365	Lê Thị Huyền Trang	18/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.1	6.8	0.0	0.0	6.0	1.6	2.5	10.1	10.1		Đỗ NV1-lần 1
338	151406	Hà Đức Việt	20/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	6.3	1.0	0.0	4.0	2.6	2.5	9.1	10.1		Đỗ NV1-lần 1
339	151089	Quách Văn Độ	20/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		4.8	5.0	1.0	0.0	2.5	3.6	3.0	9.1	10.1		Đỗ NV1-lần 1
340	151092	Bùi Thị Hương Giang	31/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.5	1.0	0.0	3.25	2.8	3.0	9.05	10.05		Đỗ NV1-lần 1
341	151067	Hà Thanh Duy	17/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.4	5.9	1.0	0.0	3.75	3.0	2.25	9.0	10.0		Đỗ NV1-lần 1
342	151131	Hà Chí Huy	13/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	5.6	1.0	0.0	4.25	1.2	3.5	8.95	9.95		Đỗ NV1-lần 1
343	151094	Hà Thị Thu Hà	22/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	7.8	1.0	0.0	5.0	1.2	2.75	8.95	9.95		Đỗ NV1-lần 1
344	151022	Trương Thị Anh	11/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	7.1	1.0	0.0	5.75	2.2	1.0	8.95	9.95		Đỗ NV1-lần 1
345	151158	Bùi Văn Khôi	26/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.0	5.7	1.0	0.0	5.0	2.6	1.25	8.85	9.85		Đỗ NV1-lần 1
346	151172	Hà Thị Lâm	20/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.1	7.5	1.0	0.0	4.75	2.6	1.5	8.85	9.85		Đỗ NV1-lần 1
347	151078	Hà Trang Đài	05/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.9	6.5	1.0	0.0	4.08	3.0	1.75	8.83	9.83		Đỗ NV1-lần 1
348	151224	Phạm Thảo My	19/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	5.9	1.0	0.0	5.0	1.8	2.0	8.8	9.8		Đỗ NV1-lần 1
349	151260	Vì Thị Yến Nhi	13/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.8	1.0	0.0	4.0	2.8	2.0	8.8	9.8		Đỗ NV1-lần 1
350	151197	Nguyễn Thiên Long	02/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.9	5.3	0.0	0.0	3.5	2.8	3.5	9.8	9.8		Đỗ NV1-lần 1
351	151274	Lục Văn Phụng	14/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.6	5.2	1.0	0.0	2.5	2.8	3.5	8.8	9.8		Đỗ NV1-lần 1
352	151311	Lữ Quang Thành	02/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.6	5.5	1.0	0.0	4.0	2.0	2.75	8.75	9.75		Đỗ NV1-lần 1
353	151307	Trương Thị Thanh	14/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.0	1.0	0.0	4.5	2.2	2.0	8.7	9.7		Đỗ NV1-lần 1
354	151006	Bùi Thị Lan Anh	12/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.0	7.4	1.0	0.0	4.75	2.2	1.75	8.7	9.7		Đỗ NV1-lần 1
355	151308	Vì Thị Thiên Thanh	25/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.4	1.0	0.0	4.5	1.2	3.0	8.7	9.7		Đỗ NV1-lần 1
356	151218	Lê Bá Minh	09/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	5.5	1.0	0.0	4.0	1.4	3.25	8.65	9.65		Đỗ NV1-lần 1
357	151171	Trương Ngọc Lan	17/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	6.8	1.0	0.0	4.5	3.4	0.75	8.65	9.65		Đỗ NV1-lần 1
358	151332	Bùi Duy Thuật	31/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.3	1.0	0.0	4.25	1.4	3.0	8.65	9.65		Đỗ NV1-lần 1
359	151351	Trương Thị Anh Thư	11/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.0	7.1	1.0	0.0	3.0	2.4	3.25	8.65	9.65		Đỗ NV1-lần 1
360	151392	Phạm Thanh Tuyền	03/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.1	1.0	0.0	5.0	1.6	2.0	8.6	9.6		Đỗ NV1-lần 1
361	151404	Trương Đại Vĩ	05/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.5	6.4	1.0	0.0	5.0	0.6	3.0	8.6	9.6		Đỗ NV1-lần 1
362	151363	Hà Văn Tô Tô	08/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	5.7	1.0	0.0	5.08	1.0	2.5	8.58	9.58		Đỗ NV1-lần 1
363	151025	Vũ Hoàng Anh	10/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	6.7	0.0	0.0	3.25	3.0	3.25	9.5	9.5		Đỗ NV1-lần 1
364	151320	Lữ Thị Thanh Thảo	26/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.0	1.0	0.0	5.0	1.2	2.25	8.45	9.45		Đỗ NV1-lần 1
365	151388	Đinh Văn Tùng	11/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	5.9	1.0	0.0	4.5	2.2	1.75	8.45	9.45		Đỗ NV1-lần 1
366	151426	Phạm Tường Vy	02/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	5.9	1.0	0.0	2.0	2.2	4.25	8.45	9.45		Đỗ NV1-lần 1
367	151015	Lò Huy Anh	13/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.2	6.0	1.0	0.0	4.5	1.2	2.75	8.45	9.45		Đỗ NV1-lần 1
368	151289	Bùi Ngọc Quỳnh	16/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.3	5.3	1.0	0.0	2.25	3.2	3.0	8.45	9.45		Đỗ NV1-lần 1
369	151362	Trương Công Toàn	24/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.9	6.1	1.0	0.0	4.5	2.2	1.75	8.45	9.45		Đỗ NV1-lần 1
370	151145	Hà Văn Khải	22/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		6.5	6.2	1.0	0.0	5.25	2.4	0.75	8.4	9.4		Đỗ NV1-lần 1
371	151154	Hà Anh Khoa	10/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.2	1.0	0.0	5.0	1.6	1.75	8.35	9.35		Đỗ NV1-lần 1
372	151385	Lê Văn Tuấn	25/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	Đ	T		5.4	5.3	0.0	0.0	5.75	1.6	2.0	9.35	9.35		Đỗ NV1-lần 1
373	151403	Trương Thúy Vân	25/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.9	1.0	0.0	3.75	1.6	3.0	8.35	9.35		Đỗ NV1-lần 1
374	161176	Cao Thu Hương	02/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.4	6.2	1.0	0.0	5.5	1.6	2.25	9.35	9.35		Đỗ NV2
375	161023	Lê Trương Chí Bảo	22/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.0	5.2	1.0	0.0	2.5	2.6	4.25	9.35	9.35		Đỗ NV2
376	151118	Lê Minh Hoàng	02/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.0	5.4	0.0	0.0	4.75	1.8	2.75	9.3	9.3		Đỗ NV1-lần 1

377	151116	Phạm Thị Thu Hoài	11/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.5	1.0	0.0	4.75	1.8	1.75	8.3	9.3		Đỗ NV1-lần 1
378	161063	Bùi Quang Dương	16/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	5.1	1.0	0.0	4.5	1.8	3.0	9.3	9.3		Đỗ NV2
379	161498	Phạm Văn Vương	20/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.5	5.7	1.0	0.0	5.5	1.8	2.0	9.3	9.3		Đỗ NV2
380	151161	Trương Công Khương	29/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.0	6.3	1.0	0.0	4.0	2.0	2.25	8.25	9.25		Đỗ NV1-lần 1
381	151206	Phạm Thị Chúc Ly	06/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.0	5.0	1.0	0.0	4.0	2.0	2.25	8.25	9.25		Đỗ NV1-lần 1
382	161415	Trương Thị Thu Thủy	30/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.2	1.0	0.0	7.0	1.0	1.25	9.25	9.25		Đỗ NV2
383	151133	Hà Quốc Huy	14/09/2009	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	5.3	1.0	0.0	2.5	2.2	3.5	8.2	9.2		Đỗ NV1-lần 1
384	151159	Bùi Thị Ngọc Khuê	11/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.0	5.1	1.0	0.0	4.25	2.2	1.75	8.2	9.2		Đỗ NV1-lần 1
385	161388	Bùi Thị Phương Thảo	27/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.1	1.0	0.0	5.75	2.2	1.25	9.2	9.2		Đỗ NV2
386	161029	Bùi Thị Bình	16/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.4	5.2	1.0	0.0	5.75	2.2	1.25	9.2	9.2		Đỗ NV2
387	161046	Trần Toàn Diện	21/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		4.5	4.9	1.0	0.0	4.75	2.2	2.25	9.2	9.2		Đỗ NV2
388	161128	Nguyễn Hữu Hiếu	26/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	6.7	0.0	0.0	6.25	2.2	1.75	10.2	9.2		Đỗ NV2
389	151049	Lương Chí Công	27/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.4	6.7	1.0	0.0	5.75	1.4	1.0	8.15	9.15		Đỗ NV1-lần 1
390	161434	Trương Đức Tính	10/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	Đ	Đ		4.3	4.9	1.0	0.0	5.25	1.4	2.5	9.15	9.15		Đỗ NV2
391	161208	Bùi Thị Linh	23/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		6.3	5.7	1.0	0.0	4.75	2.4	2.0	9.15	9.15		Đỗ NV2
392	151081	Trương Thế Đan	28/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.4	5.9	1.0	0.0	2.75	3.6	1.75	8.1	9.1		Đỗ NV1-lần 1
393	151233	Trương Thị Hằng Nga	30/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.0	7.1	1.0	0.0	3.75	1.6	2.75	8.1	9.1		Đỗ NV1-lần 1
394	151261	Hà Thị Cẩm Nhung	12/12/2009	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.1	6.3	1.0	0.0	3.5	2.6	2.0	8.1	9.1		Đỗ NV1-lần 1
395	161343	Bùi Mạnh Quốc	22/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.0	5.9	1.0	0.0	4.25	2.6	2.25	9.1	9.1		Đỗ NV2
396	161430	Trương Thị Hoài Thương	26/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.9	1.0	0.0	5.5	1.6	2.0	9.1	9.1		Đỗ NV2
397	151079	Bùi Quốc Đại	20/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	6.3	1.0	0.0	3.5	1.8	2.75	8.05	9.05		Đỗ NV1-lần 1
398	151427	Phạm Tường Vy	16/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.4	6.2	1.0	0.0	4.0	1.8	2.25	8.05	9.05		Đỗ NV1-lần 1
399	151103	Trương Thanh Hải	15/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.0	6.1	1.0	0.0	4.0	1.8	2.25	8.05	9.05		Đỗ NV1-lần 1
400	151300	Trương Công Tài	17/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	6.3	1.0	0.0	4.75	1.8	1.5	8.05	9.05		Đỗ NV1-lần 1
401	151070	Trương Khánh Duy	26/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.0	5.9	1.0	0.0	3.25	2.8	2.0	8.05	9.05		Đỗ NV1-lần 1
402	151174	Lê Hoàng Lâm	16/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.5	5.6	1.0	0.0	4.5	2.8	0.75	8.05	9.05		Đỗ NV1-lần 2
403	161282	Trương Thị Khánh Ngọc	03/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.0	7.4	1.0	0.0	5.25	1.8	2.0	9.05	9.05		Đỗ NV2
404	161207	Phạm Thanh Liêm	30/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		6.1	6.2	1.0	0.0	4.0	1.8	3.25	9.05	9.05		Đỗ NV2
405	161467	Lê Thị Tuyết	28/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.9	7.1	0.0	0.0	5.5	2.8	1.75	10.05	9.05		Đỗ NV2
406	161340	Hà Mạnh Quân	27/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		4.5	5.0	1.0	0.0	5.0	1.8	2.25	9.05	9.05		Đỗ NV2
407	151383	Hà Công Tuấn	16/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	6.1	1.0	0.0	2.0	3.0	3.0	8.0	9.0		Đỗ NV1-lần 2
408	161324	Trương Quốc Phong	23/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.8	1.0	0.0	4.0	2.2	2.75	8.95	8.95		Đỗ NV2
409	151397	Hà Thị Phương Uyên	24/12/2009	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	6.4	1.0	0.0	5.0	2.4	0.5	7.9	8.9		Đỗ NV1-lần 2
410	161367	Phạm Bùi Tấn Tài	23/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.8	6.3	1.0	0.0	3.75	1.4	3.75	8.9	8.9		Đỗ NV2
411	151020	Phạm Ngọc Anh	13/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.0	5.8	1.0	0.0	4.5	2.4	1.0	7.9	8.9		Đỗ NV1-lần 2
412	151125	Bùi Minh Huân	16/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.7	5.6	1.0	0.0	4.58	1.8	1.5	7.88	8.88		Đỗ NV1-lần 2
413	151093	Phạm Thị Quỳnh Giang	04/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	6.6	1.0	0.0	3.75	1.6	2.5	7.85	8.85		Đỗ NV1-lần 2
414	161509	Lê Trương Hải Yến	15/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.3	6.3	1.0	0.0	5.25	2.6	1.0	8.85	8.85		Đỗ NV2
415	161349	Trương Thị Quyên	20/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.0	1.0	0.0	5.5	1.6	1.75	8.85	8.85		Đỗ NV2
416	161120	Bùi Văn Hiến	28/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.0	6.8	1.0	0.0	4.75	1.6	2.5	8.85	8.85		Đỗ NV2
417	161426	Trương Thị Anh Thư	24/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.5	5.3	1.0	0.0	5.5	1.8	1.5	8.8	8.8		Đỗ NV2
418	161205	Hà Thị Lệ	21/05/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		4.3	5.6	1.0	0.0	3.25	2.8	2.75	8.8	8.8		Đỗ NV2
419	161082	Trương Hồng Điệp	31/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.0	5.8	1.0	0.0	5.5	2.0	1.25	8.75	8.75		Đỗ NV2
420	161234	Trương Hồng Lưu	08/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.5	1.0	0.0	6.0	2.0	0.75	8.75	8.75		Đỗ NV2
421	151367	Phạm Thu Trang	18/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.8	5.3	1.0	0.0	3.25	3.0	1.5	7.75	8.75		Đỗ NV1-lần 2
422	161392	Trương Thị Thanh Thảo	20/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.2	6.6	1.0	0.0	3.75	3.0	2.0	8.75	8.75		Đỗ NV2
423	161382	Bùi Tiến Thành	12/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.4	6.4	1.0	0.0	5.0	1.2	2.5	8.7	8.7		Đỗ NV2
424	151137	Lục Khánh Huyền	04/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.5	6.1	1.0	0.0	3.5	2.2	2.0	7.7	8.7		Đỗ NV1-lần 2
425	161300	Trương Văn Nhật	10/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		6.0	5.5	1.0	0.0	3.5	2.2	3.0	8.7	8.7		Đỗ NV2
426	151099	Bùi Quang Hải	28/11/2009	Tỉnh Thanh Hóa	Đ	Đ		5.1	5.0	1.0	0.0	3.0	2.2	2.5	7.7	8.7		Đỗ NV1-lần 2
427	151304	Nguyễn Trọng Tấn	21/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.6	5.5	0.0	0.0	4.0	2.4	2.25	8.65	8.65		Đỗ NV1-lần 2
428	151083	Bùi Tiến Đạt	05/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.8	5.3	1.0	0.0	4.25	2.4	1.0	7.65	8.65		Đỗ NV1-lần 2
429	171006	Hà Tuấn Anh	02/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	5.5	1.0	0.0	3.75	3.4	1.5	8.65	8.65		Đỗ NV2
430	151241	Bùi Thị Nguyệt	07/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	6.9	1.0	0.0	3.75	2.4	1.5	7.65	8.65		Đỗ NV1-lần 2
431	171168	Hà Hoàng Phong	31/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.5	6.0	1.0	0.0	3.0	1.6	4.0	8.6	8.6		Đỗ NV2
432	171127	Lương Văn Lưu	02/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	5.3	1.0	0.0	4.25	1.6	2.75	8.6	8.6		Đỗ NV2

433		Hà Đức Hoan	04/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.3	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0		Tuyển thẳng
434		Trương Minh Thòa	05/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.4	5.6	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0		Tuyển thẳng
435		Hà Xuân Nghĩa	20/11/2009	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	5.2	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0		Tuyển thẳng
436		Lương Thị Hoài Mây	25/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.1	5.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0		Tuyển thẳng
437		Phạm Văn Huynh	16/09/2009	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.3	5.6	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0		Tuyển thẳng
438		K' Trương Văn Thương	07/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.3	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0		Tuyển thẳng
439		Trương A Na	20/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.9	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0		Tuyển thẳng
440		Phạm Văn Đệ	16/09/2009	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	5.6	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0		Tuyển thẳng

Danh sách có: 440 thí sinh trúng tuyển.

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ DUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG KT&KĐCLGD

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025